

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMP FIBALITE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CMP FIBALITE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CMP FIBALITE VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CMP FIBALITE VIETNAM JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107002176

**3. Ngày thành lập:** 22/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 68 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax: 04 3232 1103

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                             | 2511        |
| 2.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                               | 4661        |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                       | 4662        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;                                                                             | 4663        |
| 5.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                         | 6311        |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                 | 3312        |
| 7.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                  | 3315        |
| 8.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                    | 3320        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;                                           | 4659        |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                       | 8299(Chính) |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.                                                                                        | 6619        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                   | 7320        |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về công nghệ;                                                                                                                                                  | 7490        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 01/10/2015 đến ngày 12/11/2015

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ HÒA NAM     | Số 23, tổ 32, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 750.000    | 7.500.000.000         | 15        | 011369462                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 750.000    | 7.500.000.000         | 15        |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ NGỌC SON    | Số 68 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 3.500.000  | 35.000.000.000        | 70        | 038063000094                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 3.500.000  | 35.000.000.000        | 70        |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ TRANG NHUNG | Số 68 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 750.000    | 7.500.000.000         | 15        | 012988480                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 750.000    | 7.500.000.000         | 15        |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQL về dân cư

# thành phố Hà Nội, Việt

g Lăng Hạ, Quận Đống

5 Hà Nội